

Bản án số: 129/2024/HS-ST

Ngày: 20-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng

Các Hội thẩm nhân dân chính thức:

1/ Ông Vũ Ngọc Tiên

2/ Ông Lưu Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 123/2024/TLST-HS ngày 05/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-HS ngày 11/9/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh năm 1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: số D Xóm C, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Phạm Thị L (chết); Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 13/6/2000, “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 16 tháng tù giam, theo Bản án số 262/HSST ngày 18/12/2000, chấp hành án đến ngày 02/9/2001 hết án tha; Chấp hành án phí xong ngày 25/3/2002.

- Ngày 27/3/2003, “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 04 năm tù giam theo bản án số 1712/HSST ngày 19/9/2003, đã xác minh thi hành án phạt tù nhưng không có thông tin lưu trữ; Chấp hành án phí xong ngày 10/12/2003.

- Ngày 24/7/2007, “Cố ý gây thương tích” bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 3 năm tù giam theo bản án số 325/HSST ngày 16/11/2007, chấp hành án đến ngày 24/7/2010 hết án tha; Chấp hành án phí xong ngày 31/8/2010.

- Ngày 21/10/2011, “Cướp giật tài sản” bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 05 năm tù giam theo bản án số 575/HSST ngày 18/9/2012, chấp hành án đến ngày 21/10/2016 hết án tha; Theo Công văn số 1097 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 trả lời không thụ lý thi hành bản án này.

- Ngày 10/3/2017, “Cướp giật tài sản” bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận tuyên phạt 05 năm tù giam theo bản án số 83/HSST ngày 19/9/2017, chấp hành án đến ngày 10/3/2022 hết án tha; Chấp hành án phí xong ngày 27/5/2019.

Nhân thân:

- Ngày 02/10/1985, “Gây rối trật tự công cộng” bị Ủy ban nhân dân Quận C đưa đi “Cưỡng bức lao động” theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 17/10/1985.

- Ngày 15/12/1995 bị Công an Q bắt về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Cơ quan CSĐT CAQ10 đã tiến hành xác minh tại Cơ quan Công an Quận 1 trả lời kết quả: Ngày 18/2/1995, Cưỡng bức lao động 12 tháng. Tiến hành xác minh tại Trung tâm L1 trả lời không tìm thấy kết quả Quyết định đưa đi Cưỡng bức lao động đối với Nguyễn Văn T.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2023 (Bị cáo có mặt)

-Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Chị Hồ Thị Quỳnh A, sinh năm 2004

Thường trú: 4 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp, cần tiền tiêu xài nên chiều tối ngày 21/12/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 95R1- 7047 đến địa bàn Quận A, di chuyển qua nhiều tuyến đường tìm người có tài sản để chiếm đoạt. Đến khoảng 20 giờ 20 ngày 21/12/2023, khi ngang hẻm D Đường C, Phường A, Quận A (hướng từ hẻm D S ra hẻm D S), T phát hiện chị Hồ Thị Quỳnh A đang đi bộ trong hẻm D Đường C (hướng ra hẻm D S), trên tay chị Quỳnh A đang cầm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11. T điều khiển xe mô tô di chuyển chậm theo phía sau chị Quỳnh A vượt qua khỏi chị Quỳnh A về phía hẻm D S, rồi quay đầu xe qua lại chị Quỳnh A 02 lần. Đến lần thứ ba, khi đến trước số D Đường C, Phường A, Quận A, T cho xe chạy ngược chiều, áp sát bên trái người chị Quỳnh A, dùng tay trái giật được chiếc điện thoại di động trên tay chị Quỳnh A và tăng ga xe bỏ chạy, tẩu thoát. Chị Quỳnh A đến Công an P, Quận A trình báo, sự việc được lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 giải quyết.

Tại kết luận định giá tài sản số 506/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự Quận A kết luận: “Chiếc điện thoại hiệu Iphone 11, màu đen, hàng chính hãng, phiên bản quốc tế, dung lượng 128GB, trị giá 6.500.000 đồng”.

Qua điều tra truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã khởi tố, bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, bị can Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã nêu trên. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại động của chị Quỳnh A, bị can T mang đến đường H, bên hông Nhà K, Phường A, Quận A, bán chiếc điện thoại cho một người đàn ông mua bán đồ cũ (không rõ nhân thân lại lịch) được 1.500.000 đồng và T đã tiêu xài hết số tiền.

Tài sản, vật chứng vụ án:

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 (một) nón kết màu xám; 01 (một) mắt kính màu trắng; 01 (một) đôi dép; 01 (một) áo thun ngắn tay màu xám; 01 (một) quần sọt màu xanh – là trang phục bị can T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 xe mô tô biển số 95R1- 7047, số khung: 4EHOA0103321, số máy F4A5161521 là phương tiện bị can T sử dụng vào việc phạm tội. Kết quả xác minh, do ông Nguyễn Văn Út E đứng tên đăng ký sở hữu; Hiện ông E không có mặt tại nơi đăng ký thường trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, không rõ nơi cư trú. Bị can T khai mượn xe của bà Nguyễn Thị Kim N, là sống chung như vợ chồng với bị can T. Bà N khai năm 2015 mua xe với số tiền 3.000.000 đồng, tại một tiệm mua bán xe máy cũ trên địa bàn Quận A, không nhớ địa chỉ, khi mua bán có viết giấy tay mua bán với chủ tiệm (đã bị mất), không lập hợp đồng công chứng, không làm thủ tục sang tên. Bà N không biết việc bị can T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu N1 6.1 số IMEI: 358549084214125, thu giữ của bị can T, không liên quan đến việc phạm tội.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 chuyển các vật chứng trên đến Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 chờ xử lý.

Về dân sự: Chị Quỳnh A yêu cầu bị can T phải bồi thường thiệt hại số tiền 6.500.000 đồng, là giá trị của chiếc điện thoại bị chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 118/CT-VKS ngày 04/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 truy tố bị cáo Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân Quận 10 để xét xử về tội “*Cướp giật tài sản*” theo các điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 vẫn giữ quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 05 năm 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”;

Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Xét bị hại có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản bị chiếm đoạt như giá trị định giá tài sản là 6.500.000 (Sáu triệu, năm trăm ngàn) đồng, bị cáo đồng ý bồi thường là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 (một) nón kết màu xám; 01 (một) mắt kính màu trắng; 01 (một) đôi dép; 01 (một) áo thun ngắn tay màu xám; 01 (một) quần sọt màu xanh – là trang phục bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô biển số 95R1- 7047, số khung: 4EHOA0103321, số máy F4A5161521 là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Qua điều tra chưa xác minh được chủ sở hữu hợp pháp. Do đó, cần tiếp tục tạm giữ và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để truy tìm chủ sở hữu trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu N1 6.1 số IMEI: 358549084214125, thu giữ của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Xét, đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài,

vào khoảng 20 giờ 20 phút ngày 21/12/2023 bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện di chuyển để ép sát, bắt ngờ nhanh chóng thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 của chị Hồ Thị Quỳnh A tại trước nhà số D đường C T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt qua định giá có giá trị là 6.500.000 đồng.

Với giá trị tài sản chiếm đoạt và hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xét, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo sử dụng xe gắn máy phân khối lớn làm phương tiện di chuyển, để ép sát, bắt ngờ chiếm đoạt tài sản của bị hại đang đi bộ lưu thông trên đường, rồi nhanh chóng tăng ga phóng nhanh để tẩu thoát, có thể đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của bị hại cũng như những người tham gia giao thông trên đường nên thuộc trường hợp sử dụng thủ đoạn nguy hiểm. Ngoài ra, bị cáo đã tái phạm nguy hiểm nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm tại các điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an xã hội. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi bất chính, lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý phạm tội.

Xét, bị cáo có nhân thân không tốt, liên tục bị xử phạt tù về các hành vi chiếm đoạt tài sản và xử phạt vi phạm hành chính, trong thời gian cải tạo không chịu sửa chữa mà liên tục lao vào con đường phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật, do đó cần có mức hình phạt thật nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Sau khi xem xét khách quan, toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho xã hội. Hình phạt đối với bị cáo cũng để giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo hiện không có nghề nghiệp nên miễn phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét bị hại có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản bị chiếm đoạt như giá trị định giá tài sản là 6.500.000 (Sáu triệu, năm trăm ngàn) đồng, bị cáo đồng ý bồi thường là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét:

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 (một) nón kết màu xám; 01 (một) mắt kính màu trắng; 01 (một) đôi dép; 01 (một) áo thun ngắn tay màu xám; 01 (một) quần sọt màu xanh – là trang phục bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô biển số 95R1- 7047, số khung: 4EHOA0103321, số máy F4A5161521 là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Qua điều tra chưa xác minh được chủ sở hữu hợp pháp. Do đó, cần tiếp tục tạm giữ và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để truy tìm chủ sở hữu trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu N1 6.1 số IMEI: 358549084214125, thu giữ của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm d, i khoản 2, khoản 5 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (Năm) năm 06 (S) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2023.

Miễn áp dụng phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị Hồ Thị Quỳnh A số tiền là 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm ngàn) đồng. Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 228 của Bộ luật Dân sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương; 01 (một) nón kết màu xám; 01 (một) mắt kính màu trắng; 01 (một) đôi dép; 01 (một) áo thun ngắn tay màu xám; 01 (một) quần sọt màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu N1 6.1 số IMEI: 358549084214125.

- Tiếp tục tạm giữ và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 xe mô tô biển số 95R1- 7047, số khung: 4EHOA0103321, số máy F4A5161521 trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 117/QĐ-VKS-HS ngày 21/8/2024 của Viện kiểm sát Quận A)

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 325.000 (Ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Công an Quận 10, PC53;
- Chi cục Thi hành án DS Quận 10;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nhất Dũng

